

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUANG TRUNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **37** /TB-UBND

Quang Trung, ngày **24** tháng **3** năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc xác định chủ sử dụng các thửa đất để thực hiện dự án Cụm công nghiệp làng nghề Hữu Bằng, trên địa bàn xã Quang Trung (xã Hữu Bằng cũ), huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội

Căn cứ Quyết định số 2795/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Cụm công nghiệp làng nghề Hữu Bằng (nay là xã Quang Trung), huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội; Quyết định số 4503/QĐ-UBND về việc điều chỉnh thời gian thực hiện thủ tục đầu tư Cụm công nghiệp làng nghề Hữu Bằng;

Căn cứ Kế hoạch thu hồi đất số 360/KH-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Thạch Thất về việc thu hồi đất, điều tra khảo sát, đo đạc kiểm đếm để thực hiện CCN làng nghề Hữu Bằng (nay là xã Quang Trung);

UBND XÃ QUANG TRUNG THÔNG BÁO:

Hiện nay trong quá trình quy chủ để thực hiện dự án CCN làng nghề Hữu Bằng trên địa bàn xã Quang Trung, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội còn một số thửa đất chưa xác định được chủ sử dụng (có danh sách các thửa đất kèm theo), tại xứ đồng Bùi và đồng Độc, xã Quang Trung (xã Hữu Bằng cũ) do chủ sử dụng chưa đến trụ sở UBND xã làm thủ tục quy chủ theo quy định.

Để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, UBND xã Quang Trung thông báo tới các chủ sử dụng; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến các thửa đất nêu trên đến liên hệ với UBND xã Quang Trung (hoặc liên hệ với ông Nguyễn Văn Diên – Chủ tịch UBND xã Quang Trung theo số điện thoại 0918222354), huyện Thạch Thất, TP Hà Nội để làm thủ tục quy chủ, kê khai, ký hồ sơ kiểm đếm theo quy định.

Thời gian: Kể từ ngày 25/3/2025 đến hết ngày 25/4/2025.

Nếu quá thời hạn nêu trên các chủ sử dụng; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến các thửa đất không đến liên hệ với UBND xã Quang Trung thì UBND xã Quang Trung sẽ phối hợp với Tổ công tác GPMB dự án tiến hành lập hồ sơ kiểm đếm các thửa đất nêu trên đứng tên chủ sử dụng là UBND xã Quang Trung và thực hiện thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật.

UBND xã Quang Trung thông báo để các hộ gia đình và cá nhân và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tới các thửa đất nêu trên được biết; phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Thạch Thất;
- TT Đảng ủy-HĐND xã;
- CT-PCT UBND xã
- Đài phát thanh xã;
- Lưu Vp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Diên

DANH SÁCH KÈM THEO THÔNG BÁO SỐ 37... CỦA UBND XÃ QUANG TRUNG
ngày 24 tháng 3 năm 2025

STT	Tờ ĐĐ	Số thửa	Họ tên chủ sử dụng	Diện tích (m2)	Loại đất	Tổng diện tích đất thu hồi (m2)		Ghi chú
1	1	9	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	209,1	LUC	155,4	53,7	
2	1	18	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	163,8	LUC	163,8	0,0	
3	1	21	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	897,2	LUC	440,9	456,3	
4	1	36	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	1658,3	LUC	1157,2	501,1	
5	1	37	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	302,8	LUC	302,8	0,0	
6	1	43	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	648,2	LUC	648,2	0,0	
7	1	44	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	614,7	LUC	466,3	148,4	
8	1	47	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	650,8	LUC	650,8	0,0	
9	1	49	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	83,0	LUC	83,0	0,0	
10	1	50	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	61,1	LUC	61,1	0,0	
11	1	53	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	615,0	LUC	615,0	0,0	
12	1	55	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	1633,8	LUC	1099,5	534,3	
13	1	59	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	218,9	LUC	80,7	138,2	
14	1	65	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	360,0	LUC	309,5	50,5	
15	1	72	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	907,0	LUC	907,0	0,0	

16	1	73	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	946,1	LUC	946,1	0,0	
17	1	74	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	111,2	LUC	111,2	0,0	
18	1	80	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	164,8	LUC	164,8	0,0	
19	1	101	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	746,1	LUC	746,1	0,0	
20	1	111	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	629,1	LUC	629,1	0,0	
21	1	119	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	1272,2	LUC	1272,2	0,0	
22	1	120	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	360,0	LUC	360,0	0,0	
23	1	128	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	1259,3	LUC	1259,3	0,0	
24	1	129	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	202,3	LUC	202,3	0,0	
25	1	163	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	86,8	LUC	86,8	0,0	
26	1	176	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	122,6	LUC	122,6	0,0	
27	1	177	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	399,9	LUC	399,9	0,0	
28	1	180	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	108,1	LUC	108,1	0,0	
29	1	195	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	108,5	LUC	108,5	0,0	
30	1	212	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	68,1	LUC	68,1	0,0	
31	1	216	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	175,4	LUC	175,4	0,0	
32	1	223	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	204,5	LUC	204,5	0,0	

33	1	239	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	93,3	LUC	93,3	0,0	
34	1	241	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	80,5	LUC	80,5	0,0	
35	1	243	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	606,5	LUC	606,5	0,0	
36	1	252	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	77,6	LUC	77,6	0,0	
37	1	257	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	797,4	LUC	797,4	0,0	
38	1	268	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	135,6	LUC	135,6	0,0	
39	1	273	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	872,0	LUC	872,0	0,0	
40	1	275	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	41,0	LUC	41,0	0,0	
41	1	283	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	92,7	LUC	92,7	0,0	
42	1	296	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	60,9	LUC	60,9	0,0	
43	1	299	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	159,3	LUC	159,3	0,0	
44	1	304	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	182,2	LUC	182,2	0,0	
45	1	313	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	495,5	LUC	81,4	414,1	
46	1	314	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	91,9	LUC	91,3	0,6	
47	1	316	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	515,0	LUC	515,0	0,0	
48	1	325	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	24,0	LUC	24,0	0,0	
49	1	340	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	182,7	LUC	182,7	0,0	

50	1	348	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	76,0	LUC	76,0	0,0	
51	1	353	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	130,2	LUC	130,2	0,0	
52	1	369	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	829,4	LUC	829,4	0,0	
53	1	374	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	963,7	LUC	963,7	0,0	
54	1	378	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	778,9	LUC	274,9	504,0	
55	1	382	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	66,1	LUC	66,1	0,0	
56	1	383	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	63,3	LUC	63,3	0,0	
57	1	384	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	341,9	LUC	341,9	0,0	
58	1	385	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	1320,7	LUC	1320,7	0,0	
59	1	389	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	1183,0	LUC	1183,0	0,0	
60	1	397	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	403,9	LUC	403,9	0,0	
61	1	398	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	463,0	LUC	463,0	0,0	
62	1	407	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	603,7	LUC	603,7	0,0	
63	1	418	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	39,3	LUC	39,3	0,0	
64	1	428	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	90,6	LUC	90,6	0,0	
65	1	437	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	229,8	LUC	229,8	0,0	
66	1	442	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	133,7	LUC	133,7	0,0	

67	1	447	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	72,3	LUC	72,3	0,0	
68	1	456	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	291,0	LUC	291,0	0,0	
69	1	464	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	571,0	LUC	571,0	0,0	
70	1	467	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	92,5	LUC	92,5	0,0	
71	1	470	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	460,8	LUC	460,8	0,0	
72	1	475	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	283,4	LUC	25,3	258,1	
73	1	477	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	1138,3	LUC	1138,3	0,0	
74	1	482	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	238,6	LUC	238,6	0,0	
75	1	487	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	1620,8	LUC	1620,8	0,0	
76	1	489	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	1742,1	LUC	1742,1	0,0	
77	1	509	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	951,7	LUC	951,7	0,0	
78	1	513	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	123,3	LUC	123,3	0,0	
79	1	520	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	188,8	LUC	188,8	0,0	
80	1	522	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	31,0	LUC	31,0	0,0	
81	1	530	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	1194,3	LUC	1194,3	0,0	
82	1	532	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	318,3	LUC	318,3	0,0	
83	1	546	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	133,8	LUC	133,8	0,0	

84	1	547	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	242,4	LUC	242,4	0,0	
85	1	557	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	46,6	LUC	46,6	0,0	
86	1	563	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	1414,1	LUC	1138,4	275,7	
87	1	586	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	187,6	LUC	187,6	0,0	
88	1	587	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	114,8	LUC	114,8	0,0	
89	1	589	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	122,1	LUC	122,1	0,0	
90	1	594	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	575,5	LUC	575,5	0,0	
91	1	597	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	321,7	LUC	36,9	284,8	
92	1	600	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	411,6	LUC	411,6	0,0	
93	1	601	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	80,0	LUC	80,0	0,0	
94	1	608	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	802,0	LUC	718,5	83,5	
95	1	609	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	1228,7	LUC	955,9	272,8	
96	1	614	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	85,8	LUC	85,8	0,0	
97	1	625	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	1020,0	LUC	1020,0	0,0	
98	1	640	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	261,4	LUC	261,4	0,0	
99	1	651	UBND xã (chủ sử dụng được xác định sau khi hộ gia đình phối hợp)	489,7	LUC	105,1	384,6	